

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG ĐIỀN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 17/2020/HS-ST  
Ngày 06-5-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Lo.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thanh Long và ông Nguyễn Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thụy Quốc Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh ngày 28-8-2001 tại Cần Thơ. Tên gọi khác: N. Nơi cư trú: ấp T1, xã T2, huyện P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T3 (s) và bà Trần Thị Diễm T4 (s); bản thân chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

**Bị hại:** Bà Nguyễn Kim X, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Lê Thị L, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 22 giờ ngày 14-12-2019, sau khi dự đám cưới gần nhà về, Bị cáo biết rõ bà Nguyễn Kim X (là bà nội Bị cáo) vẫn đang ở đám cưới nên Bị cáo nảy sinh ý định sang nhà bà X thuộc ấp T1, xã T2, huyện P; để lấy trộm chiếc nhẫn. Khi đến nhà bà X, Bị cáo thấy ông Lê Văn D (là chú ruột của Bị cáo) đang nằm trong phòng xem điện thoại, Bị cáo lén đi đến phòng bà X, cửa phòng không khóa, Bị cáo lấy chìa khóa mở hộc tủ thấy hộp màu đỏ, Bị cáo mở hộp ra thấy trong hộp có chiếc nhẫn vàng, chiếc lắc và nhiều trang sức khác bằng vàng. Bị cáo lấy chiếc nhẫn vàng giấu vào túi quần, đóng hộp lại, khóa tủ và để chìa khóa lại vị trí cũ. Sau đó, Bị cáo về nhà cất giấu chiếc nhẫn ở dưới cát nền nhà. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 15-12-2019, Bị cáo mang chiếc nhẫn đi rửa và làm rơi xuống mương cạnh nhà bà X. Khoảng 08 giờ ngày 15-12-2019, bà X phát hiện mất chiếc nhẫn và trình báo Công an xã T2 đến làm việc, Bị cáo khai báo chiếc nhẫn bị rơi xuống mương và tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả, Bị cáo tiếp tục tìm kiếm đến 19 giờ cùng ngày thì tìm được chiếc nhẫn và giao nộp cho Cơ quan Công an.

**\* Vật chứng thu giữ:** 01 (một) chiếc nhẫn vàng, loại nhẫn trơn bên trong có dòng chữ HAT.LEMAI 2 chỉ 99,99%.

Tại Kết luận định giá số 02/KL-ĐGTS, ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phong Điền, kết luận: 01 (một) chiếc nhẫn trơn, trọng lượng 02 (hai) chỉ, tuổi vàng 99,99% có giá trị là 8.180.000 đồng.

Về nguồn gốc tài sản bị mất là của chị Lê Thị L khai nhận mua vào khoảng tháng 8/2019, sau đó gửi bà X cất giữ giùm cùng với một số trang sức vàng khác. Đến tối ngày 15-12-2019, bà X thông báo cho chị L về việc chiếc nhẫn đã bị mất trộm. Sau khi bị cáo giao nộp lại chiếc nhẫn, bà X đã giao lại cho chị L xong, chị L cũng không có ý kiến gì.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong và không có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra, Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKS-PĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền đã truy tố Lê Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:* Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản đúng như cáo trạng truy tố nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền giữ nguyên cáo trạng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại tại phiên tòa có

yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng. Đồng thời, đề nghị Bị cáo chấp hành các quy định về án treo theo pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục xong, bị hại không có yêu cầu gì thêm.

*Tại phiên tòa, bị cáo trình bày:* Bị cáo lúc qua nhà bà X chơi, bị cáo thấy bà X cất vàng nên biết vị trí để vàng. Mục đích bị cáo trộm là để đeo lấy oai, chứ không có ý định bán. Việc bị cáo trộm vàng không ai xúi giục, do bị cáo nảy sinh ý định rồi đi trộm một mình.

*Tại phiên tòa, bị hại là bà Nguyễn Kim X trình bày:* Chiếc nhẫn vàng 02 chỉ bị cáo trộm là của chị Lê Thị L gửi bà cất giữ giùm. Bà đã nhận lại vàng và trả lại cho chị L xong. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho Bị cáo hưởng án treo.

*Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo biết lỗi, bị cáo xin lỗi bà X và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho Bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Điền, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của Bị cáo tại phiên tòa và các lời khai sau của Bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 14-12-2019, Bị cáo có đến nhà của bà Nguyễn Kim X thuộc ấp T1, xã T2, huyện P; Bị cáo lén lút lấy trộm chiếc nhẫn vàng có giá trị là 8.180.000đ. Do đó, Bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền truy tố Bị cáo là có căn cứ; đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của Bị cáo hết sức liều lĩnh, khi vào nhà bà X, Bị cáo đã nhìn thấy có người ở trong nhà nhưng Bị cáo lợi dụng mối quan hệ người thân không đề phòng để lén lút vào phòng của bà X, lấy chìa khóa mở tủ lấy trộm vàng. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do bản tính tham lam, lười lao động mà thích hưởng thụ nên đã thúc đẩy Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, còn trẻ tuổi, có sức khỏe nhưng không dùng sức khỏe của mình để lao động tạo ra thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân, làm một người công dân có ích cho gia đình và xã hội, mà lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nên cần phải có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

[4] Xét về tính chất, mức độ: Khi bị cáo đi đám cưới về và biết được bà X còn ở đám cưới nên Bị cáo nảy sinh ý định trộm vàng của bà X để thỏa mãn việc đua đòi cá nhân. Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Bị cáo tự thân hành động, không ai rủ rê, xúi giục; do đó, hành vi của Bị cáo thuộc trường hợp phạm tội giản đơn.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện trả lại vàng cho Bị hại xong; Bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng không có.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy; tuy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; thời điểm bị cáo phạm tội chỉ mới hơn 18 tuổi; hơn nữa, giữa bị hại và bị cáo có mối quan hệ ruột thịt với nhau; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*. Tuy nhiên, do Bị cáo nghề nghiệp làm thuê, không có thu nhập ổn định và bị cáo đang ở cùng với gia đình. Mặt khác, đến thời điểm phạm tội bị cáo chỉ mới hơn 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*1/ Tuyên bố:* Bị cáo **Lê Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt phạt bị cáo Lê Văn T **01** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **02** (hai) năm, tính kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2020.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho Bị cáo.

Giao Bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T2, huyện P, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, trường hợp Bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với Bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- Công an H. Phong Điền;
- Sở tư pháp TP.Cần Thơ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Lo**